

KẾT LUẬN THANH TRA
Về thanh tra tài chính tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản

Thực hiện Quyết định số 95/QĐ-STC ngày 23/5/2023 của Giám đốc Sở Tài chính Tuyên Quang về việc thanh tra tài chính tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản. Từ ngày 24/5/2023 đến ngày 26/6/2023 Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tài chính của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản.

Xét báo cáo Kết quả thanh tra tài chính ngày 19/7/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra. Giám đốc Sở Tài chính Kết luận thanh tra tài chính tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản, như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm tình hình chung

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản là đơn vị sự nghiệp công lập có thu thuộc Sở Tư pháp, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng tại Kho bạc nhà nước tỉnh Tuyên Quang; chịu sự quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; trụ sở: Số 6, đường Chiến thắng Sông Lô, tổ 7 phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang; số điện thoại cơ quan: 0273. 816.375.

2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức

2.1. Vị trí, chức năng

Về chức năng, nhiệm vụ được giao của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản theo Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định số lượng cấp phó của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, thanh tra, Văn phòng thuộc Sở Tư pháp và vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, như sau:

- Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp, có chức năng cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

- Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật; Trung tâm chịu sự quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Tư pháp.

2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

Có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.3. Cơ cấu tổ chức

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ, nhân viên, người lao động hợp đồng.

4. Về tổ chức bộ máy kế toán

Trung tâm có 01 người phụ trách công tác Tài chính - Kế toán. Trình độ thạc sĩ quản trị kinh doanh.

5. Cơ chế tài chính

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, thuộc Sở Tư pháp, tỉnh Tuyên Quang, được tự chủ chi thường xuyên về tài chính, cụ thể:

Năm 2020: Thực hiện theo Quyết định 397/QĐ-UBND ngày 15/12/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp giai đoạn 2018-2020.

Năm 2021: Thực hiện theo Quyết định 1694/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp giai đoạn 2021-2023.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

- **Căn cứ kiểm tra:** Chứng từ, sổ kế toán, Báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2020 và 2021; Bản đối chiếu số liệu kết quả hoạt động, Thông báo đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2020 giữa Sở Tư pháp và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản; Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách, Thông báo quyết toán của Sở Tư pháp năm 2021 và các hồ sơ, tài liệu có liên quan năm 2020-2021 do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản cung cấp; các quy định của Nhà nước và của tỉnh về chính sách, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán.

- **Giới hạn kiểm tra:** Không thực hiện đối chiếu, xác minh hóa đơn, chứng từ thanh toán; không chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt, kiểm kê tài sản, kho vật tư, hàng hoá đến (31/12); không xác minh đối tượng thụ hưởng, nhận các khoản hỗ trợ bằng tiền mặt, hiện vật. Thành viên Đoàn Thanh tra chỉ căn cứ vào các báo cáo tài chính và các hồ sơ, tài liệu liên quan do đơn vị được thanh tra cung cấp để thực hiện kiểm tra, đối chiếu làm cơ sở phân tích đánh giá các chỉ tiêu liên quan. Đơn vị được thanh tra tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các hồ sơ tài liệu đã cung cấp cho Đoàn thanh tra.

1. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản

1.1. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

*/. Việc chấp hành về thời gian, thủ tục ban hành; thẩm quyền ban hành quy chế; việc công khai quy chế chi tiêu nội bộ

- *Thời gian, thủ tục ban hành:* Đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-TTĐVĐGTS ngày 14/5/2020 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

- *Thẩm quyền ban hành quy chế:* Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản

- *Công khai quy chế:* Đơn vị công khai quy chế tại cuộc họp cơ quan ngày 25/5/2020.

**/. Số nội dung phải ban hành, đã ban hành, chưa ban hành*

Theo quy định tại phụ lục 01 Hướng dẫn nội dung xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác (*Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính*):

- Số nội dung phải ban hành theo hướng dẫn: 13 nội dung
- Số nội dung đã ban hành theo hướng dẫn: 08 nội dung
- Số nội dung chưa ban hành theo hướng dẫn 05 nội dung gồm: Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý; Quy định về sử dụng ô tô phục vụ công tác; Hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các hoạt động dịch vụ khác; Quy định trích lập và sử dụng các quỹ; Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán, tiêu chuẩn, định mức quy định.

**/. Xác định tính đúng đắn, đầy đủ của nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ*

Đơn vị đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện, tuy nhiên chưa căn cứ vào Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; chưa xây dựng đầy đủ nội dung, bao gồm: Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý; Quy định về sử dụng ô tô phục vụ công tác; Hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các hoạt động dịch vụ khác; Quy định trích lập và sử dụng các quỹ; Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán, tiêu chuẩn, định mức quy định (*Chưa thực hiện theo quy định tại các điểm 1, 7, 9, 11, 12, mục 2, phụ lục 01 Hướng dẫn nội dung xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính*).

1.2. Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công

**/. Việc chấp hành về thời gian, thủ tục ban hành; thẩm quyền ban hành quy chế; Việc công khai quy chế quản lý, sử dụng tài sản công:*

- *Thời gian, thủ tục ban hành:* Đơn vị ban hành Quyết định số 04/QĐ-TTĐVĐGTS ngày 23/01/2019 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản.

- *Thẩm quyền ban hành quy chế:* Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản

- *Công khai quy quy chế:* Đơn vị công khai quy chế tại cuộc họp cơ quan ngày 07/3/2019.

**/. Nhận xét việc xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công: Quy chế chưa quy định về lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản; báo cáo tài sản; trách nhiệm bàn giao tài sản công khi thay đổi tổ chức bộ máy, tổ chức người đứng đầu (*Chưa thực hiện đầy đủ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3, Điều 7, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính*).*

2. Việc thực hiện, quyết toán thu, chi nguồn thu dịch vụ và thu khác

2.1. Việc thực hiện thu, chi dịch vụ

a). Theo thông báo số 49/TB-STP ngày 31/12/2021 của Sở Tư pháp đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2020 và Thông báo số 24 /TB-STP ngày 08/10/2022 của Sở Tư pháp, tỉnh Tuyên Quang về việc xét duyệt quyết toán năm 2021.

*/. Năm 2020:

- Thu, chi dịch vụ (thù lao dịch đấu giá, chi phí đấu giá tài sản)

+ Thu dịch vụ: 1.057.659.902 đồng

+ Chi dịch vụ: 779.435.138 đồng

+ Thặng dư: 278.224.764 đồng

- Thu khác (Lãi ngân hàng)

+ Thu: 7.404.536 đồng

+ Chi dịch vụ: 0 đồng

+ Thặng dư: 7.404.536 đồng

*/. Năm 2021:

- Thu, chi dịch vụ (thù lao dịch đấu giá, chi phí đấu giá tài sản)

+ Thu dịch vụ: 1.569.708.595 đồng

+ Chi dịch vụ: 819.779.987 đồng

+ Thặng dư: 749.928.608 đồng

- Thu khác (Lãi ngân hàng)

+ Thu: 14.661.928 đồng

+ Chi dịch vụ: 0 đồng

+ Thặng dư: 14.661.928 đồng

b). Kết quả thanh tra một số nội dung chi năm 2020-2021.

*/. Một số nội dung chi chưa lập, tập hợp đầy đủ thông tin, chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đã hoàn thành làm căn cứ ghi sổ kế toán (*Chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 3, Điều 3 và Điều 5 Luật kế toán số 88/2015/QH13*), bao gồm:

- Hóa đơn mua máy chiếu, màn chiếu không ghi thông số kỹ thuật, đặc điểm, xuất xứ của hàng hóa để làm cơ sở xác định giá của hàng hóa (*Ủy nhiệm chi ngày 11/12/2020*).

- Sửa chữa xe ô tô, thiếu biên bản kiểm tu để xác định tình trạng hỏng của xe, thiết bị vật tư thay thế không ghi thông số kỹ thuật, đặc điểm, quy cách, xuất xứ (*Ủy nhiệm chi ngày 30/6/2020; Ủy nhiệm chi ngày 03/12/2020*).

- Hợp đồng ký kết giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và Báo Tuyên Quang về việc thông báo, quảng cáo trên Báo Tuyên Quang, chưa cụ thể vị trí in trên trang báo (trang nhất hay trang trong), kích thước in trên báo (Rộng, cao bao nhiêu), in đen trắng hay in màu, làm cơ sở để xác định mức thu tiền phí quảng cáo thỏa thuận trong hợp đồng và áp giá theo quy định tại Quyết định số 09/QĐ-BTQ ngày 06/02/2020 của Báo Tuyên Quang về việc ban hành Quy định mức thu lệ phí hợp đồng tuyên truyền, quảng cáo trên Báo Tuyên Quang (*Hợp đồng số*

04/HĐ-QC ngày 04/01/2021; Hợp đồng số 05/HĐ-QC ngày 04/01/2021; Hợp đồng số 07/HĐ-QC ngày 05/01/2021...).

- Một số chứng từ chỉ không có bảng kê cấp phát đến đối tượng quản lý, sử dụng như (văn phòng phẩm, nước uống, mua lịch, thẻ đeo, biển chức danh, mua giá sắt để tài liệu, lắp rèm cửa, mua chè, nước khoáng, mua cây Đào, Quất ngày Tết); không có giấy đề nghị mua sắm được lãnh đạo phê duyệt, không có biên bản kiểm tra hiện trạng sửa chữa thiết bị, vật tư văn phòng và hợp đồng sửa chữa (đường điện, máy lọc nước,...), (Phiếu chi: Số 78 ngày 16/3/2021, số 174 ngày 13/7/2021, số 331 ngày 29/11/2021, số 378 ngày 6/12/2021, số 395 ngày 16/12/2021, số 371 ngày 06/12/2021, số 410 ngày 17/12/2021, số 78 ngày 16/3/2021, số 58 ngày 09/2/2021, số 06 ngày 11/2021, số 80 ngày 17/3/2021 và UNC số 56 ngày 15/12/2021, số 15 ngày 16/12/2021).

- Gói thầu cung cấp dịch vụ có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng, đơn vị chưa thành lập tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, do đó không có biên bản họp xét của tổ thẩm định, không có quyết định phê duyệt kế hoạch chỉ định thầu, không có dự thảo thương thảo Hợp đồng với nhà thầu được người có thẩm quyền xác định có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu để tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với kinh phí sửa chữa xe ô tô 22C-0251 và in ấn, phô tô tài liệu (Chuyển khoản ngày 09/6/2021 sửa chữa xe ô tô, UNC số 00073 ngày 16/9/2021; Chuyển khoản số 122 ngày 23/12/2021) (Chưa thực hiện đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 và điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; quy định về lập chứng từ kế toán tại Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và khoản 1, khoản 2 Điều 18 Luật kế toán số 88/2015/QH13).

*. Tại Báo cáo giải trình số 24/BC-TTĐGTS ngày 03/7/2023 của Trung tâm Đấu giá tài sản giải trình nội dung trên như sau: Về các gói thầu cung cấp dịch vụ có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng, do thiếu nhận thức về trình tự, thủ tục liên quan đến nội dung thực hiện nên đơn vị chưa thực hiện đúng quy định. Kết quả thực hiện các gói thầu trên vẫn đảm bảo về số lượng, chất lượng và chủng loại. Trung tâm xin được nghiêm túc tiếp thu, chấn chỉnh ngay những tồn tại, hạn chế do Đoàn Thanh tra Sở Tài chính phát hiện chỉ ra tại Biên bản kiểm tra, đối chiếu ngày 26/6/2023. Đơn vị kính mong Đoàn Thanh tra xem xét không kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính.

Sau khi xem xét Báo cáo giải trình của đơn vị, Đoàn Thanh tra không kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với nội dung trên.

- Tại một số Hợp đồng dịch vụ đấu giá giữa bên có tài sản đấu giá (Bên A) và Trung tâm Đấu giá tài sản (Bên B) cơ bản đã thoả thuận khoản thu thù lao đấu giá và chi phí đấu giá, tuy nhiên còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

+ Hợp đồng dịch vụ đấu giá có thoả thuận số tiền chi phí đấu giá (chi phí niêm yết, thông báo công khai, chi phí thực tế hợp lý khác), nhưng không xác định chi tiết số tiền cụ thể tương ứng với từng nội dung chi hoặc thoả thuận

thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế làm cơ sở trong việc thực hiện chi trả, thanh toán và thanh lý hợp đồng (*Hợp đồng: Số 100/HĐ-DVĐGTS ngày 31/8/2020; số 127/HĐ-DVĐGTS ngày 04/11/2020; số 140/HĐ-DVĐGTS ngày 30/11/2020; số 143/HĐ-DVĐGTS ngày 04/12/2020; số 158/HĐ-DVĐGTS ngày 13/12/2021; số 157/HĐ-DVĐGTS ngày 08/12/2021; số 159/HĐ-DVĐGTS ngày 15/12/2021...*).

+ Một số hợp đồng dịch vụ đấu giá không thỏa thuận chi phí đấu giá (*chi phí niêm yết, thông báo công khai, chi phí thực tế hợp lý khác*) trong trường hợp đấu giá thành, chỉ thỏa thuận chi phí đấu giá trong trường hợp cuộc đấu giá không thành, theo đó nếu cuộc đấu giá thành các chi phí đấu giá (*chi phí niêm yết, thông báo công khai, chi phí thực tế hợp lý khác*) đơn vị sử dụng từ nguồn thu thù lao dịch vụ đấu giá để thanh toán, chi trả cho các chi phí đấu giá của cuộc đấu giá thành là không phù hợp (*các Hợp đồng: Số 10/HĐ-DVĐGTS ngày 12/01/2021; số 12/HĐ-DVĐGTS ngày 12/01/2021; số 169/HĐ-DVĐGTS ngày 31/12/2021...*).

- Không xác định cụ thể mức thù lao dịch vụ đấu giá khi đã có giá trị tài sản theo giá khởi điểm trong Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản (*Chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 2 và khoản 4, Điều 1, Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính*).

- Không thỏa thuận cụ thể trong Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản việc bù trừ tiền bán hồ sơ vào thù lao đấu giá hoặc không bù trừ số tiền thu được từ bán hồ sơ đấu giá vào thù lao đấu giá (cơ quan tổ chức đấu giá thu tiền bán hồ sơ và trả lại cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản đấu giá) và thu hộ, chi hộ chi phí đấu giá (quảng cáo) làm căn cứ hạch toán kế toán và thanh lý Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản (*Chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 1, Điều 4, Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính và khoản 4, Điều 1, Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính*).

c). Số liệu việc doanh thu và chi phí, kết quả thặng dư và phân phối các quỹ, do thanh tra xác định, như sau:

*. Năm 2020.

Bảng số 01

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3= (2-1)
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi năm trước chuyển sang	-	-	-
2	Thu trong năm	1.120.463.780	1.218.663.780	98.200.000
-	Thù lao cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản.	1.113.059.244	1.126.459.244	13.400.000
-	Thu chi phí đấu giá (chi phí quảng cáo)	-	84.800.000	84.800.000
-	Lãi ngân hàng	7.404.536	7.404.536	-
3	Chi trong năm	851.300.008	1.119.347.640	268.047.632

STT	Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
A	B	I	2	3= (2-1)
	<i>Trong đó: Phát sinh tăng chi phí dịch vụ</i>	-	268.047.632	268.047.632
-	Trích khấu hao tài sản cố định	-	65.018.457	65.018.457
-	Chi trả tiền quảng cáo trên báo (đơn vị phản ánh trên TK 3381)	-	34.935.130	34.935.130
-	Các khoản chi SXKD, dịch vụ đơn vị chi từ các quỹ	-	168.094.045	168.094.045
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi	269.163.772	99.316.140	(169.847.632)
5	Nộp ngân sách nhà nước	110.798.684	121.496.151	10.697.467
-	Thuế GTGT	55.399.342	60.562.962	5.163.620
-	Thuế TNDN	55.399.342	60.933.189	5.533.847
6	Lợi nhuận sau thuế	158.365.088	(22.180.011)	(180.545.099)
7	Khấu hao tài sản bổ sung Quỹ Phát triển HDSN	-	65.018.457	65.018.457
8	Trích lập các quỹ	158.365.088	65.018.457	(93.346.631)
-	Quỹ phát triển HDSN	41.636.900	65.018.457	23.381.557
+	Trích 25% từ lợi nhuận sau thuế	41.636.900	-	(41.636.900)
+	Trích khấu hao tài sản cố định	-	65.018.457	65.018.457
-	Quỹ khen thưởng	11.062.000	-	(11.062.000)
-	Quỹ phúc lợi	81.798.894	-	(81.798.894)
-	Quỹ bổ sung thu nhập	23.867.294	-	(23.867.294)

Nguyên nhân chênh lệch:

- Doanh thu trong năm tăng với tổng số tiền 98.200.000 đồng: Do đơn vị không hạch toán khoản thu tiền bán hồ sơ cho đơn vị có tài sản đã tính bù trừ trong tiền thù lao cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản là 13.400.000 đồng; khoản thu chi phí đấu giá (chi phí quảng cáo) 84.800.000 đồng (*chưa đúng quy định tại khoản 1, Điều 68 Luật đấu giá năm 2016 và điểm d, khoản 1, Điều 13 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.*

- Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tăng với tổng số tiền 268.047.632 đồng (bao gồm: chi trích khấu hao tài sản cố định 65.018.457 đồng; sửa chữa xe ô tô chi từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 39.770.000 đồng; chi tiền lương, các khoản đóng góp theo lương chi từ Quỹ bổ sung thu nhập 128.324.045 đồng; chi quảng cáo trên báo, phí chuyển tiền đơn vị phản ánh trên tài khoản phải thu, phải trả (TK 3381), số tiền 34.935.130 đồng).

Do đơn vị hạch toán một số khoản chi phí chưa đúng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 13, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

- Chênh lệch thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp số tiền: 10.697.467 đồng là do tăng doanh thu 98.200.000 đồng và tính thuế TNDN đối với lãi tiền gửi ngân hàng.

- Chênh lệch lợi nhuận sau thuế giảm, số tiền: -180.545.099 đồng do đơn vị hạch toán doanh thu, chi phí và thuế phải nộp nhà nước chưa đúng quy định; theo đó ảnh hưởng đến việc phân bổ các Quỹ không đúng quy định.

Thanh tra xác định và phân bổ các Quỹ theo Bảng tổng hợp kết quả thu, chi, nộp thuế và trích lập các quỹ, cụ thể:

+ Tăng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 23.381.557 đồng do tính toán phân trích khấu hao tài sản cố định đơn vị chưa bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, số tiền 65.018.457 đồng (bù trừ đơn vị đã trích: 65.018.457 đồng - 41.636.900 đồng). (Chưa thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 3, điểm b, khoản 2, Điều 12, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

+ Giảm Quỹ khen thưởng 11.062.000 đồng; Quỹ bổ sung thu nhập 23.867.294 đồng; Quỹ phúc lợi 81.798.894 đồng. Do lợi nhuận sau thuế âm (chi lớn hơn thu).

*. Năm 2021.

Số liệu việc doanh thu và chi phí, kết quả thặng dư và phân phối các quỹ, thanh tra xác định như sau:

Bảng số 02
Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = (2-1)
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi năm trước chuyển sang	-	-	-
2	Thu trong năm	1.666.986.765	1.745.516.380	78.529.615
-	Thu lao dịch vụ đấu giá tài sản.	1.604.115.837	1.607.327.452	3.211.165
-	Thu chi phí đấu giá	48.209.000	123.527.000	75.318.000
-	Lãi ngân hàng	14.661.928	14.661.928	-
3	Chi trong năm	819.779.987	1.163.875.554	344.095.567
	Trong đó: Phát sinh tăng chi phí dịch vụ	-	344.095.567	344.095.567
-	Trích khấu hao tài sản cố định	-	54.051.082	54.051.082
-	Chi quảng cáo đang hạch toán trên Tài khoản 3381	-	12.200.000	12.200.000
-	Các khoản chi SXKD, dịch vụ đơn vị chi từ các quỹ	-	277.844.485	277.844.485
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi	847.206.778	581.640.826	(265.565.952)

STT	Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3 = (2-1)</i>
5	Nộp ngân sách nhà nước	165.232.484	173.818.542	8.586.058
6	Lợi nhuận sau thuế	681.974.294	407.822.284	(274.152.010)
7	Khấu hao tài sản bổ sung Quỹ Phát triển HDSN	-	54.051.082	54.051.082
8	Trích lập các quỹ	681.974.294	461.873.366	(220.100.928)
-	Quỹ phát triển HDSN	100.635.500	169.519.424	68.883.924
+	Trích 25% từ lợi nhuận sau thuế	100.635.500	115.468.342	14.832.842
+	Trích khấu hao tài sản cố định	-	54.051.082	54.051.082
-	Quỹ bổ sung thu nhập	454.443.747	188.670.440	(265.773.307)
-	Quỹ khen thưởng	31.434.803	31.434.803	-
-	Quỹ phúc lợi	95.460.244	72.248.700	(23.211.544)

Nguyên nhân chênh lệch:

- Doanh thu trong năm chênh lệch tăng với tổng số tiền 78.529.615 đồng (bao gồm: thu tiền quảng cáo 75.318.000 đồng; thù lao đấu giá 3.211.615 đồng). Do đơn vị hạch toán doanh thu không đúng quy định (khoản thu này đơn vị phản ánh hạch toán vào Tài khoản 3381-thu hộ, chi hộ), (*Chưa đúng quy định tại khoản 1, Điều 68 Luật đấu giá năm 2016 và điểm d, khoản 1, Điều 13 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ*).

- Hạch toán một số khoản chi phí hoạt động dịch vụ không đúng quy định, chênh lệch tăng với tổng số tiền 344.095.567 đồng (bao gồm: chi tiền lương, phụ cấp và kinh phí công đoàn từ Quỹ bổ sung thu nhập 277.844.485 đồng; chi phí khấu hao tài sản 54.051.082 đồng chưa tính vào chi phí hợp lý; chi trả tiền quảng cáo 12.200.000 đồng), (*Chưa thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 13, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ*).

- Chênh lệch tăng thuế phải nộp nhà nước tính trên tổng số tiền chênh lệch tăng doanh thu, với tổng số tiền 8.586.058 đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng 5% là 3.926.481 đồng và thuế thu nhập doanh nghiệp 5% là 4.659.577 đồng).

- Chênh lệch giảm lợi nhuận sau thuế số tiền 274.152.010 đồng do tăng chi phí hoạt động và thuế phải nộp nhà nước.

- Chênh lệch giảm các quỹ số tiền 220.140.928 đồng do đơn vị hạch toán doanh thu, chi phí và thuế phải nộp nhà nước chưa đúng quy định; theo đó ảnh hưởng đến việc trích lập, phân bổ các Quỹ không đúng quy định. Thanh tra xác định và phân bổ các Quỹ như trên (mục 8, Bảng số 02).

*/. Việc quản lý sử dụng các quỹ năm 2020-2021: Tại quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị đã không quy định việc trích lập và sử dụng các quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; Quỹ khen thưởng; Quỹ phúc lợi; Quỹ bổ sung thu nhập; Quỹ

khác theo quy định của pháp luật (nếu có). Sử dụng các quỹ không đúng như: Dùng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp chi sửa chữa ô tô thường xuyên; Quỹ bổ sung thu nhập chi lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương hàng tháng ...*(Chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3, Điều 12, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ).*

2.2. Việc quyết toán nguồn kinh phí thu, chi dịch vụ

**/ Đối với Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản*

- Đơn vị thực hiện lập và phản ánh chứng từ thu, chi nguồn thu dịch vụ, thu khác vào phần mềm kế toán trên máy vi tính và in báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính gửi Sở Tư pháp xét duyệt/thẩm định. Tuy nhiên, tại Báo cáo tài chính năm 2020 và 2021 *(Mẫu B02/BCTC- Báo cáo kết quả hoạt)* phản ánh số liệu khấu hao tài sản vào chỉ tiêu doanh thu từ ngân sách nhà nước cấp và chi phí của hoạt động hành chính, sự nghiệp không đúng quy định *(Chưa thực hiện đúng quy định tại mục III- Hướng dẫn lập báo cáo tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)*

**/ Công tác quản lý tài chính và xét duyệt/thẩm định quyết toán và thông báo quyết toán của Sở Tư pháp Tuyên Quang.*

Tại Biên bản đối chiếu số liệu hoạt động năm 2020 ngày 11/6/2021 và Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 ngày 10/6/2022 của Sở Tư pháp tại mẫu biểu 1b xét duyệt số liệu khấu hao tài sản phản ánh vào chỉ tiêu doanh thu từ ngân sách nhà nước cấp và chi phí của hoạt động hành chính, sự nghiệp không đúng quy định *(Chưa thực hiện đúng quy định tại mục III- Hướng dẫn lập báo cáo tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)*

Tại Thông báo số 49/TB-STP ngày 31/12/2021 của Sở Tư pháp đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2020 và Thông báo số 24/TB-STP ngày 08/10/2022 của Sở Tư pháp về việc xét duyệt quyết toán năm 2021, không phản ánh đầy đủ nội dung, đối chiếu số liệu kết quả hoạt động dịch vụ của đơn vị; tại mẫu biểu 2b phản ánh chưa đúng số liệu về tổng doanh thu dịch vụ trong năm *(phản ánh doanh thu sau nộp thuế giá trị gia tăng)*, phản ánh chưa đúng thẳng dư trong năm, đồng thời chưa chỉ ra được tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của đơn vị *(Chưa thực hiện đúng quy định Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính).*

3. Việc mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công

- Đơn vị đã hạch toán theo dõi nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại của tài sản và đã thực hiện nhập dữ liệu về tài sản công vào phần mềm quản lý tài sản công tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên chưa theo dõi công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng; gói thầu cung cấp dịch vụ có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng, đơn vị chưa thành lập tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, do đó không có biên bản họp xét của tổ thẩm định, không có quyết định phê duyệt kế hoạch chỉ định thầu, không có dự thảo Hợp đồng với nhà thầu được người có

thẩm quyền xác định có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu để tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Đơn vị được trang bị 01 xe ô tô phục vụ công tác và trong năm có phát sinh kinh phí sửa chữa, thay thế vật tư, tuy nhiên khi sửa chữa xong đơn vị không đưa vào xe ô tô vào sử dụng (đơn vị thuê xe ngoài phục vụ công tác), *(Chưa thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 16/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 sửa đổi, bổ sung Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013).*

*. Tại Báo cáo giải trình số 24/BC-TTĐGTS ngày 03/7/2023 của Trung tâm Đấu giá tài sản giải trình nội dung trên như sau: Xe ô tô của Trung tâm đưa vào sử dụng từ năm 1997 nên nhiều bộ phận đã xuống cấp cần phải sửa chữa, thay thế mới đảm bảo để xe lưu hành. Do vậy năm 2021, Trung tâm được Ngân sách nhà nước cấp dự toán kinh phí sửa chữa xe ô tô từ nguồn chi không thường xuyên, số tiền 50.000.000 đồng và đơn vị sử dụng từ nguồn kinh phí tự bảo đảm của đơn vị, số tiền 42.475.000 đồng để sửa chữa, thay thế phụ tùng xe ô tô (sửa chữa trong tháng 5/2021). Đến tháng 6/2021, đồng chí viên chức được giao nhiệm vụ lái xe ô tô chuyên công tác, nên Trung tâm không có lái xe; thời điểm đó, Trung tâm đã tiến hành tìm người để thuê vị trí lái xe, đã có 02 lượt người đến thử lái xe, mỗi lượt người thử lái xe trong thời hạn 03 ngày; tuy nhiên, sau khi thử việc tất cả những người thử việc không nhận ký kết hợp đồng lái xe với Trung tâm, với lý do: Xe đã cũ mà việc di chuyển bằng phương tiện xe ô tô của Trung tâm thường là địa bàn các huyện mà tiền công trả thấp (4.500.000 đồng/tháng). Để thực hiện nhiệm vụ Trung tâm phải hợp đồng thuê xe với đơn vị kinh doanh vận tải để phục vụ công tác của Trung tâm đi đấu giá tại các huyện trên địa bàn tỉnh. Đơn vị kính mong Đoàn Thanh tra xem xét không xử phạt vi phạm hành chính.

Sau khi xem xét Báo cáo giải trình của đơn vị, Đoàn Thanh tra không kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với nội dung trên.

4. Việc chấp hành pháp luật về kế toán

- Đơn vị áp dụng Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thuộc các nguồn kinh phí đã được đơn vị hạch toán và phản ánh trên tài khoản kế toán, các sổ kế toán chi tiết và tổng hợp. Sử dụng phần mềm kế toán MISA để lập chứng từ, sổ kế toán, báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính.

- Tồn tại, hạn chế:

+ *Về chứng từ kế toán:* Chưa đảm bảo tính đầy đủ, chặt chẽ để chứng minh một số nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán như hợp đồng ký kết giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và Báo Tuyên Quang về việc thông báo, quảng cáo trên Báo Tuyên Quang, chưa cụ thể vị trí, kích thước in trên báo... để làm cơ sở xác định mức chi phí quảng cáo; Hóa đơn, hợp đồng mua hàng hóa (máy móc, thiết bị, vật tư) không ghi thông số kỹ

thuật, đặc điểm, xuất xứ của hàng hóa để làm cơ sở xác định giá của hàng hóa; thiếu biên bản kiểm tra để xác định tình trạng hỏng của xe ô tô...

+ *Về sổ sách kế toán*: Đơn vị lập sổ kế toán trên máy vi tính, đã in sổ kế toán chi tiết và tổng hợp để lưu; Hệ thống sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán các nguồn kinh phí theo phần mềm Chương trình kế toán máy vi tính (phần mềm kế toán Misa). Tuy nhiên năm 2021 tại sổ cái, chưa hạch toán số dư đầu năm và số dư cuối năm Tài khoản 431; các sổ kế toán chưa làm đầy đủ các thủ tục pháp lý về mở sổ kế toán theo quy định như: Không mở trang đầu sổ; không ghi ngày, tháng, năm lập sổ, không đóng dấu giáp lai giữa các trang sổ và chưa khóa sổ kế toán theo quy định.

+ *Về hạch toán kế toán*: Hạch toán doanh thu, chi phí dịch vụ, phân phối kết quả tài chính trong năm chưa đầy đủ, đúng theo quy định. Chưa hạch toán khấu hao tài sản cố định vào chi phí hoạt động dịch vụ (Tài khoản 642) và hạch toán bổ sung tiền khấu hao tài sản sang Tài khoản 431 Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (*chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 1; điểm a, khoản 2, khoản 3, Điều 13, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016*); chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương của cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng năm 2020-2021 (từ Quỹ bổ sung thu nhập Tài khoản 4313); chi sửa chữa xe ô tô năm 2020 (từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp Tài khoản 4314); chi quảng cáo trên báo năm 2020 (phản ánh trên tài khoản thu hộ, chi hộ tài khoản 3381), (*Chưa thực hiện đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 12, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 và quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính*) và Điều 66, Luật Đấu giá tài sản năm 2016).

*. Tại Báo cáo giải trình số 24/BC-TTĐGTS ngày 03/7/2023 của Trung tâm Đấu giá tài sản giải trình nội dung trên như sau: Do bản thân đồng chí kế toán phải kiêm nhiệm nhiều việc nên chưa dành thời gian nghiên cứu văn bản liên quan đến lĩnh vực kế toán, nên đã phản ánh, hạch toán một số khoản doanh thu, chi phí chưa đầy đủ, đúng theo quy định dẫn đến chưa nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định và việc xác định lợi nhuận sau thuế chưa đúng, phân bổ các Quỹ chưa chính xác. Đơn vị kính mong Đoàn Thanh tra xem xét không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán đối với nội dung trên.

Sau khi xem xét Báo cáo giải trình trên của đơn vị, Đoàn Thanh tra không kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

+ *Quản lý, lưu trữ tài liệu kế toán*: Công tác phân loại, sắp xếp và lưu trữ chứng từ kế toán chưa được khoa học để thuận tiện cho việc kiểm tra, kiểm soát (*Chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 6, Điều 5 Luật kế toán số 88/2015/QH13*).

5. Việc thực hiện chế độ công khai tài chính, tài sản công

- Về việc công khai tài chính: Đơn vị thực hiện công khai dự toán, quyết toán nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, tuy nhiên chưa thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước cấp theo quy định tại khoản 2, Điều 3, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

- Về công khai tài sản công: Đơn vị đã xây dựng các biểu mẫu công khai tài sản công theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính, tuy nhiên chưa thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 8, Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

6. Việc triển khai, tổ chức thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan đến nội dung thanh tra

Đơn vị đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-TTĐVĐGTS ngày 29/01/2021 và có báo cáo số 40/BC-TTĐVĐGTS ngày 31/12/2020, báo cáo số 45/BC-TH ngày 31/12/2021 về báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Hạn chế, tồn tại: Chưa xây dựng các chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể kèm theo Chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, theo đó chưa đánh giá được kết quả thực hiện các chỉ tiêu tiết kiệm thể hiện bằng giá trị tuyệt đối và tương đối (%). Báo cáo kết quả Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa đầy đủ nội dung theo quy định Đề cương báo cáo và hệ thống biểu mẫu (quy định tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính).

Đơn vị được trang bị 01 xe ô tô phục vụ công tác và trong năm có phát sinh kinh phí sửa chữa, thay thế vật tư, tuy nhiên đơn vị không sử dụng (đơn vị thuê xe ngoài phục vụ công tác).

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm: Đơn vị cơ bản đã phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính vào hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán theo quy định.

2. Tồn tại, khuyết điểm: Trong quá trình chấp hành, quyết toán thu, chi nguồn kinh phí tự bảo đảm hoạt động chi thường xuyên còn có một số khuyết điểm, tồn tại, hạn chế do các thành viên Đoàn thanh tra phát hiện nêu trên, bao gồm:

- *Về việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý sử dụng tài sản công:* Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị chưa căn cứ vào Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; chưa xây dựng đầy đủ nội dung, bao gồm: Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý; Quy định về sử dụng ô tô phục vụ công tác; Hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các hoạt động dịch vụ khác; Quy định trích lập và sử dụng các quỹ; Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán, tiêu chuẩn, định mức quy định. Chưa quy định về lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản; báo cáo tài sản; trách nhiệm bàn giao tài sản công khi thay đổi tổ chức bộ máy, tổ chức người đứng đầu.

- *Việc chấp hành quy định về chứng từ kế toán:* Thanh toán cho một số nghiệp vụ kinh tế, chưa lập, tập hợp đầy đủ các chứng từ liên quan kèm theo để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đã hoàn thành như hợp đồng ký kết giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và Báo Tuyên Quang về việc thông báo, quảng cáo trên Báo Tuyên Quang, chưa cụ thể vị trí, kích thước in trên báo ... để làm cơ sở xác định mức chi phí quảng cáo; Hóa đơn, hợp đồng mua hàng

hóa (máy móc, thiết bị, vật tư) không ghi thông số kỹ thuật, đặc điểm, phẩm chất, xuất xứ của hàng hóa để làm cơ sở xác định giá của hàng hóa; thiếu biên bản kiểm tra để xác định tình trạng hỏng của xe ô tô.

- *Việc chấp hành pháp luật về kế toán:* Việc hạch toán một số bút toán chưa đảm bảo đúng nội dung phát sinh của nghiệp vụ kinh tế tài chính, chưa đúng trình tự luân chuyển của nghiệp vụ kế toán và đảm bảo tính cân đối giữa các tài khoản kế toán. Các sổ kế toán chưa làm đầy đủ các thủ tục pháp lý về mở sổ kế toán theo quy định như: Không mở trang đầu sổ; không ghi ngày tháng năm lập sổ, không đóng dấu giáp lai giữa các trang sổ. Công tác sắp xếp và lưu trữ tài liệu kế toán chưa khoa học, chưa thuận tiện cho việc kiểm tra, kiểm soát và khai thác thông tin kế toán, tài chính.

- *Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công:* Chưa theo dõi công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng; chưa thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo đúng quy định như các gói thầu cung cấp dịch vụ có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.

Trách nhiệm chủ yếu đối với các tồn tại, khuyết điểm nêu trên thuộc về Chủ tài khoản và kế toán đơn vị của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thời kỳ thanh tra năm 2020 và năm 2021.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:
Không có.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản

1.1. Chấn chỉnh tồn tại, khuyết điểm

- Có biện pháp chấn chỉnh và khắc phục ngay những tồn tại, khuyết điểm do đoàn thanh tra phát hiện nêu trên.

- Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan về những khuyết điểm, tồn tại, hạn chế do đoàn thanh tra phát hiện nêu trên.

- Chỉ đạo bộ phận kế toán cập nhật kịp thời, đầy đủ các chính sách, chế độ mới ban hành để tham mưu, áp dụng, thực hiện trong năm 2023 và các năm tiếp theo. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung còn thiếu trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị theo đúng quy định văn bản, chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước.

- Phản ánh, theo dõi kịp thời, đầy đủ tài sản, công cụ, dụng cụ trên hệ thống sổ kế toán của đơn vị.

- Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định. Tập hợp kịp thời đầy đủ các chứng từ kế toán của mỗi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đúng kỳ kế toán. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước; Lập đầy đủ các thủ tục pháp lý về mở sổ, khóa sổ kế toán theo quy định; Việc sử dụng tài sản công thực hiện đúng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm, xây dựng dự toán thu, chi nguồn thu dịch vụ, nguồn khác, đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu, chi trong năm so với kế hoạch, đã đề ra; đánh giá kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị báo cáo cơ quan quản lý cấp trên theo quy định;

- Hằng năm, xây dựng Chương trình, Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm để có căn cứ đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm chi trong năm.

1.2. Kiến nghị về công tác tài chính

1.2.1. Bổ sung tăng doanh thu dịch vụ, số tiền: 176.729.615 đồng

Bao gồm: + Năm 2020, số tiền: 98.200.000 đồng

+ Năm 2021, số tiền: 78.529.615 đồng

1.2.2. Bổ sung tăng chi phí hoạt động dịch vụ, số tiền: 612.143.199 đồng

Bao gồm: + Năm 2020, số tiền: 268.047.632 đồng

+ Năm 2021, số tiền: 344.095.567 đồng

1.2.3. Xác định lại lợi nhuận sau thuế (thâm hụt) năm 2020,

số tiền: - 180.545.099 đồng

1.2.4. Xác định lại lợi nhuận sau thuế (thặng dư) năm 2021 giảm,

số tiền: 274.152.010 đồng

1.2.5. Nộp bổ sung tiền thuế gia trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, số tiền: 19.283.525 đồng

Bao gồm: + Năm 2020, số tiền: 10.697.467 đồng

+ Năm 2021, số tiền: 8.586.058 đồng

1.2.5. Phân phối và xác định lại các Quỹ theo số liệu thanh tra (mục 8 bảng số 01 và bảng số 02).

1.2.6. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm xác định lại doanh thu, chi phí hợp lý, phân bổ các quỹ năm 2019 và năm 2022 (thời gian trước và sau thời kỳ thanh tra) và có trách nhiệm nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định của Nhà nước.

2. Đối với Sở Tư Pháp tỉnh Tuyên Quang

- Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện Kết luận thanh tra theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra đơn vị trong việc lập, chấp hành, quyết toán dự toán thu, chi từ hoạt động dịch vụ; Xét duyệt/thẩm định quyết toán, đối chiếu số liệu, thu, chi, kết quả hoạt động nguồn thu dịch vụ, các nguồn kinh phí khác đúng Luật Ngân sách, Luật Kế toán và các quy định hiện hành; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

- Nâng cao công tác Xét duyệt/thẩm định quyết toán, đối chiếu số liệu, thu, chi, kết quả hoạt động nguồn thu dịch vụ, các nguồn kinh phí khác đảm bảo đúng các quy định.

3. Thực hiện công khai Kết luận thanh tra

Đề nghị Trung tâm Dịch vụ đấu giá thực hiện công khai toàn văn Kết luận thanh tra trên và được niêm yết ít nhất 15 ngày liên tục tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá theo quy định. Đồng thời báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện Kết luận thanh tra tài chính gửi về Sở Tài chính, *trước ngày 29/9/2023*.

Văn bản Kết luận thanh tra tài chính này gửi tới Trung tâm Dịch vụ đấu giá và các cơ quan quản lý liên quan theo Luật định./.

Nơi nhận: 

- UBKT Tỉnh ủy Tuyên Quang;
- Thanh tra tỉnh Tuyên Quang;
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu: VT, hồ sơ Đoàn TTr số 95.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Ngọc Thủy